TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN U MINH THƯỢNG** **TỈNH KIÊN GIANG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 29/2019/DS-ST
Ngày: 23-8-2019.
Về việc tranh chấp hợp đồng dịch vụ

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN U MINH THƯỢNG, TỈNH KIÊN GIANG

- ***Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có*:**

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Tuấn Khanh

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Nguyễn Thị Ngọc Kim

2. Bà Phạm Thị Lan

- *Thư ký phiên tòa:* Ông Danh Hoàng – Thư ký Tòa án nhân dân huyện U Minh Thượng, tỉnh Kiên Giang.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện U Minh Thượng:* Bà Nguyễn Thị Kiều Hoa – Kiểm sát viên sơ cấp.

Trong ngày 23 tháng 8 năm 2019 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện U Minh Thượng, tỉnh Kiên Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 118/2019/TLST- DS, ngày 26 tháng 6 năm 2019 về việc tranh chấp hợp đồng dịch vụ theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 31/2019/QĐXX-DS, ngày 05 tháng 8 năm 2019 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ông Trần Văn B, sinh năm 1957, trú tại ấp Tân Hòa A, xã Tân Hiệp B, huyện Tân Hiệp, tỉnh Kiên Giang (có mặt)

Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn: Bà Trần Thị Mộng Thu, sinh năm 1982, trú tại ấp T, xã H, huyện C, Thành phố Cần Thơ, là người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn theo văn bản ủy quyền ngày 27/6/2019 (có mặt).

2. Bị đơn: Bà Nguyễn Thị Hồng X, sinh năm 1975, trú tại ấp T, xã H, huyện U, tỉnh Kiên Giang (có mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 11 tháng 6 năm 2019 của nguyên đơn Ông Trần Văn B và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn bà Trần Thị Mộng Thu đều trình bày:

Trước đây khi đi lao động ở Hàn Quốc Ông Trần Văn B có quen bà Nguyễn Thị Hồng X (sau đây gọi tắt là ông B, bà X). Cuối tháng 12/2017 khi ông B về nước có đến nhà bà X để nhờ làm thủ tục xin visa đi lao động ở Hàn Quốc cho 02 người con gái ruột, 02 người con rễ và 01 đứa cháu của ông B, tổng cộng là 05 người. Bà X nói phải đi du lịch từ 01 đến 02 nước để dễ xin visa đi lao động ở Hàn Quốc và yêu cầu ông B đưa cho bà X số tiền là 200.000.000 đồng để đưa các con ông B đi du lịch và làm thủ tục xin visa. Sau đó bà X có làm thủ tục xin visa cho các con và cháu ông B đi du lịch một số nước với chi phí khoảng 93.000.000 đồng, còn lại 107.000.000 đồng. Sau đó tại Hàn Quốc ông B có đưa thêm cho bà X 2.000.000 tiền Hàn Quốc, quy ra tiền Việt Nam là 40.000.000 đồng, tổng cộng là 147.000.000 đồng để làm thủ tục xin Visa cho các con ông B đi lao động ở Hàn Quốc nhưng bà X không làm được và cũng không chịu trả lại tiền cho ông B.

Nguyên đơn ông B (người đại diện theo ủy quyền là bà Trần Thị Mộng Thu) yêu cầu bà X trả lại cho ông B số tiền là 147.000.000 đồng (một trăm bốn mươi bảy triệu đồng).

Bị đơn bà Nguyễn Thị Hồng X trình bày:

Bà X thừa nhận có nhận tiền của ông B để làm thủ tục xin visa cho các con ông B đi lao động ở Hàn Quốc, sau đó bà X có lo được visa cho các con ông B đi du lịch một số nước để chờ làm thủ tục xin visa đi Hàn Quốc nhưng do trục trặc thủ tục nên bà X không làm được.

Bà X thừa nhận còn nợ ông B số tiền 147.000.000 đồng và hẹn khi nào có điều kiện sẽ trả cho ông B số tiền trên.

Những tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ:

Nguyên đơn cung cấp: Biên bản thỏa thuận ngày 24/6/2019 của Công an xã Vĩnh Hòa; Biên bản sự việc ngày 07/6/2019 của Công an xã Vĩnh Hòa; 01 tấm hình chụp lúc bà X nhận tiền của ông B; 01 tấm hình chụp những người được bà X đưa đi du lịch; giấy ủy quyền của ông B ngày 27/6/2019.

Bị đơn cung cấp: Không có.

Tài liệu do Tòa án thu thập: Biên bản lấy lời khai của bà Nguyễn Thị Hồng X ngày 01/7/2019.

Đại diện Viện kiểm sát phát biểu quan điểm về việc giải quyết vụ án:

Về việc tuân theo pháp luật tố tụng: Từ khi thụ lý vụ án đến thời điểm nghị án, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký và các đương sự đã thực hiện và chấp hành đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung vụ án: Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, bà X đều thừa nhận còn nợ ông B số tiền là 147.000.000 đồng và xin được trả dần cho ông B, nhưng phía nguyên đơn không đồng ý. Do đó đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1]. **Về thủ tục tố tụng**: Theo đơn khởi kiện nguyên đơn ông B trình bày là giao tiền cho bà X để nhờ làm thủ tục xin visa cho các con và cháu ông B đi lao động ở Hàn Quốc (là bà Trần Thị Mộng Thu (con ông B), ông Lê Thanh Phong (chồng bà Thu), em Lê Văn Nhĩ Đang (con bà Thu, ông Phong), bà Trần Thị Tuyết Nhung (con ông B), ông Nguyễn Duy Hải (chồng bà Nhung). Để đảm bảo quyền và lợi ích hợp pháp của các đương sự Tòa án đã ra thông báo đưa các con và cháu ông B vào tham gia tố tụng. Tuy nhiên, ngày 20/7/2019 vợ chồng bà Thu, ông Phong, vợ chồng bà Nhung, ông Hải và em Nhĩ Đang có đơn từ chối tham gia tố tụng vì cho rằng không có yêu cầu gì trong vụ án này, số tiền ông B đưa cho bà X là của ông B vay hỏi của người khác để lo cho các con, cháu đi lao động ở Hàn Quốc, nên từ chối tham gia tố tụng. Do đó, ngoài bà Trần Thị Mộng Thu tham gia tố tụng trong vụ án này với tư cách là người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn, những người còn lại Tòa án không đưa vào tham gia tố tụng.

[2]. **Về quan hệ pháp luật**: Tranh chấp giữa nguyên đơn Ông Trần Văn B (người đại diện theo ủy quyền bà Trần Thị Mộng Thu) với bị đơn bà Nguyễn Thị Hồng X là tranh chấp hợp đồng dịch vụ. Cụ thể ông B giao tiền cho bà X để nhờ làm thủ tục xin visa cho các con và cháu ông B đi lao động ở Hàn Quốc, nhưng bà X không làm được nên ông B yêu cầu bà X trả lại số tiền là 147.000.000 đồng (một trăm bốn mươi bảy triệu đồng) mà trước đây bà X đã nhận của ông B.

[3]. **Về nội dung tranh chấp**:

Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, Hội đồng xét xử nhận thấy:

Tại phiên tòa bà X thừa nhận trước đây có nhận tiền của ông B để lo thủ tục xin visa cho các con và cháu ông B đi lao động ở Hàn Quốc nhưng không làm được. Bà X thừa nhận còn nợ ông B 147.000.000 đồng, do hoàn cảnh khó khăn nên bà X xin trả dần cho ông B mỗi tháng 5.000.000 đồng (năm triệu đồng) cho đến khi dứt nợ nhưng ông B không đồng ý.

Như vậy, thực tế là bà X có nhận tiền của ông B để lo thủ tục xin visa cho các con, cháu ông B đi lao động ở Hàn Quốc nhưng không thực hiện được. Vì

vậy việc ông B yêu cầu bà X trả lại số tiền 147.000.000 đồng là có căn cứ.

Xét việc bà X xin trả cho ông B số tiền 147.000.000 đồng với hình thức mỗi tháng trả 5.000.000 đồng cho đến khi dứt nợ, Hội đồng xét xử cho rằng: Theo quy định tại mục 1, phần II, Thông tư liên tịch số 01/TTLT ngày 19/6/1997 của Tòa án nhân dân tối cao – Viện kiểm sát nhân dân tối cao – Bộ tư pháp – Bộ tài chính hướng dẫn việc xét xử và thi hành án về tài sản có quy định: "*Toà án không tự ấn định trong bản án, quyết định thời điểm hoặc thời hạn bên có nghĩa vụ thi hành, trừ trường hợp các bên có thoả thuận khác hoặc pháp luật có quy định khác"*. Do đó, việc bà X xin trả nợ cho ông B với hình thức mỗi tháng trả 5.000.000 đồng là không có cơ sở để Hội đồng xét xử chấp nhận.

[4]. **Về án phí dân sự sơ thẩm***:* Bà X phải chịu tiền án phí là 7.350.000 đồng (bảy triệu ba trăm năm mươi nghìn đồng).

Ông Trần Văn B (người đại diện theo ủy quyền là bà Trần Thị Mộng Thu) được nhận lại tiền tạm ứng án phí đã nộp là 3.500.000 đồng (ba triệu năm trăm nghìn đồng) theo biên lai thu số 0002933 ngày 26/6/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện U Minh Thượng.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Áp dụng Điều 513, khoản 2 Điều 516, khoản 1 Điều 517, khoản 4 Điều 519 của Bộ luật dân sự năm 2015; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội về án phí và lệ phí Tòa án*;* khoản 2 Điều 92, Điều 271, 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Ông Trần Văn B (người đại diện theo ủy quyền là bà Trần Thị Mộng Thu) đối với bị đơn bà Nguyễn Thị Hồng X về việc tranh chấp hợp đồng dịch vụ.

2. Buộc bà Nguyễn Thị Hồng X trả cho Ông Trần Văn B (người đại diện theo ủy quyền là bà Trần Thị Mộng Thu) số tiền 147.000.000 đồng (một trăm bốn mươi bảy triệu đồng).

Kể từ khi án có hiệu lực và có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

3. Về án phí sơ thẩm: Bà Nguyễn Thị Hồng X phải chịu tiền án phí là

7.350.000 đồng (bảy triệu ba trăm năm mươi nghìn đồng).

Ông Trần Văn B (người đại diện theo ủy quyền bà Trần Thị Mộng Thu) được nhận lại số tiền đã nộp là 3.500.000 đồng (ba triệu năm trăm nghìn đồng) theo biên lai thu số 0002933 ngày 26/6/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện U Minh Thượng.

Các đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

"Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự".

Nơi nhận:
- *Tòa án nhân dân tỉnh Kiên Giang;*
- *Viện kiểm sát ND huyện U Minh Thượng;*
- *Chi cục Thi hành án DS huyện U Minh Thượng;*
- *Các đương sự;*
- *Lưu hs.*

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Trần Tuấn Khanh